

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 13/01/2026

Về: “Tranh chấp Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Nhân, bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang:** Bà Lê Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025, về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 450/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị O, sinh năm 1995, căn cước công dân: 089195013018 ; địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã B, tỉnh An Giang (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992, căn cước công dân: 0890922017244; địa chỉ cư trú: Tổ C, ấp A, xã H, tỉnh An Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/11/2025 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Lê Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông T được hình thành là do tự tìm hiểu, gia đình hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2015, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 163 ngày 17/12/2015. Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 12/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bởi ông T đi làm được tiền nhưng không phụ giúp bà trong chi tiêu, sinh hoạt gia đình và nuôi con... nên thường xuyên gây cãi dẫn đến ly thân nhau từ tháng 5/2025 đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Bà với ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 16/12/2016, từ trước nay do bà nuôi. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông T không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông T không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông với bà O được hình thành đúng như bà O trình bày và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cũng đúng là do kinh tế gia đình, nhưng việc ông làm ra tiền là phải chi tiêu cần kiệm để lo về sau, nhưng bà O không thống nhất việc đó nên hai người bất đồng gây cãi nhau và ông bỏ về cha mẹ ruột sống từ tháng 5/2025 đến nay. Nay ông xét thấy nếu trở lại chung sống cũng không hạnh phúc, nên đồng ý ly hôn với bà O.

Về quan hệ con chung: Đúng là giữa ông với bà O có 01 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như bà O trình bày, hiện con chung do bà O nuôi. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với trình bày của bà O.

Tại phiên tòa, bà O – ông T thống nhất ly hôn, nhưng cả hai cùng yêu cầu nuôi con; về tài sản chung và nợ chung xác định không có.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà O – ông T chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, theo đó cả hai cùng xác định là do điều kiện kinh tế gia đình eo hẹp, bất đồng trong chi tiêu mà không tự hàn gắn được nên thống nhất ly hôn. Về con chung từ trước nay do bà O nuôi và hiện cháu trên 7 tuổi, ý nguyện của cháu được tiếp tục sống với mẹ, đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa bà O và ông T, tiếp tục giao con chung cho bà O nuôi, công nhận bà O không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung cả hai xác định không có, nên không đề cập giải quyết. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà O – ông T được triệu tập hợp lệ, cả hai cùng có mặt, nên HĐXX xét xử theo thủ tục quy định.

[2]. *Về thẩm quyền:* Bà O khởi kiện ly hôn với ông T là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông T có địa chỉ cư trú tại xã H, tỉnh An Giang, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà O – ông T kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 163 ngày 17/12/2015, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà O bảo lưu ý kiến thể hiện do ông T đi làm được tiền nhưng không phụ giúp bà trong chi tiêu, sinh hoạt gia đình và nuôi con... Trình bày của bà O đã được ông T thừa nhận, nhưng theo ông thì việc chi tiêu phải cần kiệm để lo về sau, từ bất đồng đó dẫn đến gây cãi và ly thân nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai người xảy ra không phải thời gian ngắn mà kéo dài và trong thời gian ly thân gia đình có đứng ra hàn gắn nhưng không thành, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên công nhận thuận tình ly hôn giữa bà O và ông T.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy cháu Nguyễn Thị Nhã U, từ trước nay do bà O nuôi, hiện bà O cho cháu đi học, tình cảm giữa bà O với cháu U thật sự gắn bó, hiện cháu U trên 07 tuổi và ý nguyện của cháu sau khi cha mẹ ly hôn được tiếp tục chung sống với bà O. Để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu cũng như tạo điều kiện cho cháu U phát triển tốt, HĐXX nghĩ nên chấp nhận giao cháu U cho bà O tiếp tục nuôi là phù hợp.

HĐXX cũng giải thích cho bà O biết: Trong thời gian nuôi con, bà O cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa qua giải thích bà O không yêu cầu, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

Đối với ông T yêu cầu nuôi cháu U, nhưng tại phiên tòa ông cho biết hiện đang nghề xây dựng, tùy thuộc vào công việc phải thường xuyên xa nhà, tuy không trực tiếp nuôi, nhưng có đủ điều kiện kinh tế ... là chưa thỏa mãn các điều kiện để con phát triển về sau, nên yêu cầu của ông T không được HĐXX chấp nhận.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Bà O – ông T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Bà Lê Thị O là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 80, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị O1

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị O với ông Nguyễn Văn T.

Bà Lê Thị O được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 16/12/2016; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà O cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông T UnHU2ngtrong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà O – ông T khai không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà O – ông T khai không có nợ chung.

Về án phí: Bà Lê Thị O phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008614 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 13/11/2025 (Bà O nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/01/2026), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS khu vực 11;
- P.THADS khu vực 11 để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- [vp.](#) **Lê Văn Huệ**

